

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Trần Vĩnh Đức	Chủ tịch
Ông Costa Jean - Luc Francois	Phó Chủ tịch
Ông Mai Hữu Thọ	Thành viên
Ông Lê Song Lai	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Năng	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên
Ông Prasanna Rajashekhar Patil	Thành viên (bổ nhiệm từ 24/6/2012)
Ông Nguyễn Đình Khang	Thành viên (miễn nhiệm từ 24/6/2012)

Ban Tổng Giám đốc:

Ông Lê Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Năng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sinh Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát:

Ông Lê Việt Thành	Trưởng ban
Ông Nguyễn Minh Dũng	Thành viên
Ông Clause Pierre Seigne	Thành viên
Ông Trần Đức Hiệp	Thành viên (bổ nhiệm từ 24/6/2012)
Ông Nguyễn Như Khoa	Thành viên (bổ nhiệm từ 24/6/2012)
Ông Đặng Kỳ Trung	Thành viên (miễn nhiệm từ 24/6/2012)
Ông Lê Anh Sơn	Thành viên (miễn nhiệm từ 24/6/2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2012

Số: 0105 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là "Tổng Công ty"), từ trang 5 đến trang 25. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như đã nêu tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Bộ Tài chính đã có Công văn số 6845 ngày 26 tháng 5 năm 2011 quyết định về việc thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Bảo hiểm nhân thọ Bảo Minh - CMG, một công ty liên doanh vào năm 2007 với tổng số tiền là 213.522.960.000 đồng (tương đương 10.236.000 Đô la Mỹ). Tuy nhiên, số tiền này vẫn đang tiếp tục được theo dõi trên khoản mục các khoản phải thu khác trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Tại ngày lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty đang tiến hành kiểm tra chi tiết công nợ phải thu và chưa trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản phải thu khó đòi. Theo đó, chúng tôi không thể soát xét được số dự phòng cần trích lập cho các khoản phải thu khó đòi tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bằng các thủ tục soát xét thông thường.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có vấn đề đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm.

BÁO CÁO

Mỗ Thái Hòa
Phó Tổng Giám

Huỳnh Vũ Đại Trọng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1204/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B01-DNBH

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.472.525.981.116	2.295.538.371.564
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	184.955.753.767	258.530.906.001
1. Tiền	111		165.755.753.767	169.330.906.001
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.200.000.000	89.200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	962.646.458.293	961.957.623.838
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.135.162.290.451	1.089.368.413.451
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(172.515.832.158)	(127.410.789.613)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.302.706.896.755	1.062.269.028.038
1. Phải thu khách hàng	131	6	969.908.254.306	750.805.359.551
2. Trả trước cho người bán	132	7	5.115.011.307	2.513.438.442
3. Các khoản phải thu khác	135	8	365.322.916.612	346.571.974.894
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(37.639.285.470)	(37.621.744.849)
IV. Hàng tồn kho	140		4.351.020.221	3.514.137.420
1. Hàng tồn kho	141		4.351.020.221	3.514.137.420
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.865.852.080	9.266.676.267
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.005.127.011	1.309.716.403
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		16.860.725.069	7.956.959.864
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.454.891.258.023	1.567.825.542.604
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	9	22.868.598.272	31.189.032.887
1. Phải thu dài hạn khác	218		22.868.598.272	31.189.032.887
II. Tài sản cố định	220		462.988.521.644	454.357.013.718
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	93.137.611.750	97.274.997.397
- Nguyên giá	222		202.064.519.459	200.641.424.494
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(108.926.907.709)	(103.366.427.097)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	309.775.279.287	308.110.122.764
- Nguyên giá	228		340.954.157.405	335.232.886.205
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(31.178.878.118)	(27.122.763.441)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	60.075.630.607	48.971.893.557
III. Bất động sản đầu tư	240		6.018.842.500	7.655.042.500
- Nguyên giá	241		6.018.842.500	7.655.042.500
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		850.828.590.979	950.624.362.303
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	210.058.000.000	210.058.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	14	152.781.309.450	152.781.309.450
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	496.269.448.195	593.653.219.519
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	15	(8.280.166.666)	(5.868.166.666)
V. Tài sản dài hạn khác	260		112.186.704.628	124.000.091.196
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	100.778.304.979	112.594.653.915
2. Ký quỹ bất buộc	263		6.000.000.000	6.000.000.000
3. Tài sản dài hạn khác	268		5.408.399.649	5.405.437.281
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.927.417.239.139	3.863.363.914.168

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 25 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B01-DNBH

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.785.133.237.613	1.691.957.052.130
I. Nợ ngắn hạn	310		742.335.404.054	722.496.197.650
1. Phải trả người bán	312	17	588.451.967.362	497.619.764.328
2. Người mua trả tiền trước	313	18	46.244.461.666	94.462.656.548
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	22.513.376.124	35.385.846.036
4. Phải trả người lao động	315	20	31.348.727.937	33.566.796.560
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	21	53.776.870.965	61.461.134.178
II. Dự phòng nghiệp vụ	330	22	1.042.541.775.049	969.207.795.970
1. Dự phòng phí	331		732.877.871.494	674.364.337.276
2. Dự phòng bồi thường	332		139.558.307.963	126.305.466.773
3. Dự phòng dao động lớn	333		170.105.595.592	168.537.991.921
III. Nợ dài hạn	340		256.058.510	253.058.510
1. Phải trả dài hạn khác	343		256.058.510	253.058.510
B. NGUỒN VỐN	400		2.142.284.001.526	2.171.406.862.038
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	2.142.284.001.526	2.171.406.862.038
1. Vốn điều lệ	411		755.000.000.000	755.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.133.484.074.449	1.133.484.074.449
3. Quỹ dự trữ bắt buộc	417		44.072.906.648	43.244.907.730
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		13.771.924.950	12.943.926.032
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		195.955.095.479	226.733.953.827
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		3.927.417.239.139	3.863.363.914.168


Vũ Thị Dung
Người lập

Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởngLê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 8 năm 2012

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012**Mẫu B 02a-DNBH**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
Thu phí bảo hiểm gốc	01	1.099.970.933.189	1.156.992.263.501
Thu phí nhận tái bảo hiểm	02	132.993.208.881	99.705.257.312
Các khoản giảm trừ	03	(341.790.281.153)	(312.525.997.401)
Phí nhượng tái bảo hiểm	04	(322.471.183.833)	(308.995.249.821)
Giảm phí bảo hiểm	05	(1.195.453.558)	(112.509.046)
Hoàn phí bảo hiểm	06	(18.123.643.762)	(3.418.238.534)
Tăng dự phòng phí	08	(58.513.534.218)	(170.132.213.542)
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09	44.091.090.292	45.673.135.058
Thu từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác	10	2.103.681.989	693.872.755
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14	878.855.098.980	820.406.317.683
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15	(523.643.169.672)	(364.228.080.861)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16	(47.319.648.304)	(31.384.527.991)
Trừ các khoản khấu trừ	17	145.255.353.573	61.893.301.587
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18	142.465.114.738	53.925.598.115
Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	19	2.385.169.904	7.846.876.508
Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	20	405.068.931	120.826.964
Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	21	(425.707.464.403)	(333.719.307.265)
Sử dụng bồi thường từ dự phòng dao động lớn	22	25.000.000.000	10.000.000.000
Tăng dự phòng bồi thường	23	(13.252.841.190)	(17.842.992.305)
Trích dự phòng dao động lớn	24	(26.567.603.671)	(28.325.145.702)
Chi hoa hồng bảo hiểm gốc	27	(105.715.414.792)	(116.847.236.658)
Chi đòi người thứ ba	29	(333.897.000)	(443.296.211)
Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31	(429.977.951)	(191.524.215)
Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32	(858.604.049)	(3.660.404.076)
Chi khác (giám định, phí đồng bảo hiểm....)	33	(40.353.358.745)	(39.023.602.756)
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	35	(28.712.384.206)	(22.673.749.128)
Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	41	(616.931.546.007)	(552.727.258.316)
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42	261.923.552.973	267.679.059.367
Chi phí quản lý doanh nghiệp	44	(261.091.146.445)	(264.105.330.634)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45	832.406.528	3.573.728.733
Doanh thu hoạt động tài chính	46	136.901.361.373	172.654.001.029
Chi phí tài chính	47	(71.117.190.901)	(78.627.612.828)
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	51	65.784.170.472	94.026.388.201
Thu nhập khác	52	885.555.575	79.808.510
Chi phí khác	53	(155.664.910)	(277.467.228)
Lợi nhuận/(Lỗ) khác	54	729.890.665	(197.658.718)
Lợi nhuận trước thuế	55	67.346.467.665	97.402.458.216
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60	(5.781.523.603)	(6.867.220.325)
Lợi nhuận sau thuế	61	61.564.944.062	90.535.237.891


Vũ Thị Dung
Người lập

Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởngLê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 25 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B03-DNBH

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
1. Lợi nhuận trước thuế	01	67.346.467.665	97.402.458.216
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.133.341.625	10.241.988.809
Tăng các khoản dự phòng	03	120.868.562.245	246.970.437.106
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.407.264.910	(12.933.243.856)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(130.964.408.670)	(133.497.208.544)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	70.791.227.775	208.184.431.731
Tăng các khoản phải thu	09	(228.288.669.960)	(258.277.670.840)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(836.882.801)	182.972.433
Tăng các khoản phải trả	11	27.856.310.673	36.340.251.952
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	13.246.149.116	(3.074.021.709)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.726.474.220)	(4.283.666.010)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	38.498.397.931	16.409.378
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(56.157.421.775)	(3.381.039.681)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(145.617.363.261)	(24.292.332.746)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(19.253.860.339)	(23.834.610.284)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	571.847.410	89.813.636
Tiền chi cho đầu tư ngắn hạn và dài hạn	23	(920.149.877.000)	(975.088.130.979)
Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư	24	971.739.771.324	984.012.430.979
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	130.392.561.260	133.299.131.159
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	163.300.442.655	118.478.634.511
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(90.600.000.000)	(113.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(90.600.000.000)	(113.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(72.916.920.606)	(19.063.698.235)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	258.530.906.001	161.169.416.926
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(658.231.628)	12.933.243.856
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	184.955.753.767	155.038.962.547

Vũ Thị Dung
Người lập

Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởngLê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 8 năm 2012

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập tại Việt Nam, là một công ty cổ phần, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 27GP/KDBH ngày 8 tháng 9 năm 2004 do Bộ Tài chính ban hành, và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Tổng Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 28 tháng 11 năm 2006 và chuyển sang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21 tháng 4 năm 2008 với mã số chứng khoán là BMI.

Tổng Công ty có 60 chi nhánh trên cả nước, một công ty con và một công ty liên doanh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 1.692 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.803 người).

Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày; do đó, Tổng Công ty không hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh trong báo cáo tài chính này. Các khoản đầu tư của Tổng Công ty được ghi nhận theo các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 3 bên dưới.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hằng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, công cụ tài chính niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản dự phòng.

Ghi nhận tiếp theo

Hiện tại, chưa có quy định về ghi nhận tiếp theo công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà cửa	5 - 25
Phương tiện vận tải	7 - 12
Máy móc thiết bị	4 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	3 - 5

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu toàn bộ rủi ro về sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất để xây trụ sở ở các chi nhánh. Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 4 đến 8 năm. Theo quy định hiện hành, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian sử dụng của lô đất và quyền sử dụng đất không thời hạn thì không trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư thể hiện quyền sử dụng đất không thời hạn do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá và không trích khấu hao. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Theo qui định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vì Tổng Công ty có ý định nắm giữ lâu dài và không có cơ sở xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

Đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến các khoản đầu tư. Tại ngày báo cáo tiếp theo, các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá đầu tư.

Góp vốn liên doanh

Khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tại ngày báo cáo tiếp theo, khoản góp vốn vào công ty liên doanh được trình bày theo nguyên giá gốc, trừ đi khoản giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại ngày báo cáo tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán niêm yết có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính. Tổng Công ty không lập dự phòng đối với các chứng khoán chưa niêm yết mà không thể thu thập được giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính và chứng khoán hạn chế quyền chuyển nhượng tự do trên thị trường.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí hoa hồng, chi phí khai thác trực tiếp chờ phân bổ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian mà Tổng Công ty ghi nhận các lợi ích kinh tế.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu kinh doanh bảo hiểm được ghi nhận khi đơn bảo hiểm có hiệu lực, khi nhận được các bảng thanh toán từ nhà nhận tái bảo hiểm cũng như nhà nhượng tái bảo hiểm.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận các chi phí bảo hiểm chính

Chi phí bồi thường: Chi phí bồi thường được ghi nhận tại thời điểm các hồ sơ bồi thường được hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Các khoản bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ thì xem là chưa giải quyết và được bao gồm trong dự phòng bồi thường.

Chi phí hoa hồng: Chi phí hoa hồng được ghi nhận trên cơ sở thực chi khi thực thu phí bảo hiểm hoặc phân bổ theo thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

Hoạt động tái bảo hiểm

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro thiệt hại từ những hợp đồng bảo hiểm đã ký kết bằng cách tái bảo hiểm ở những mức độ nhất định các rủi ro với các công ty bảo hiểm khác hay các công ty tái bảo hiểm. Lợi ích có thể thu được từ công ty nhận tái bảo hiểm được ước tính thống nhất dựa vào hợp đồng tái bảo hiểm. Tổng Công ty có 2 hoạt động tái bảo hiểm như sau:

Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tái bảo hiểm tùy chọn được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận của hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Khoản thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về việc phát sinh trách nhiệm của bên nhận tái bảo hiểm.

Phí hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Nhận tái bảo hiểm

Doanh thu và chi phí liên quan đến nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi nhận được các bảng thông báo thanh toán của bên nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi doanh thu tái bảo hiểm được ghi nhận và bên nhận tái bảo hiểm nhận được bảng thông báo tái bảo hiểm.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ

kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng phí được tính theo phương pháp tỷ lệ 1/8 (hàng nửa quý) hoặc 1/365 (hàng ngày) dựa trên hệ số của thời hạn hiệu lực hợp đồng bảo hiểm. Phương pháp tỷ lệ 1/365 áp dụng cho các loại hình bảo hiểm được ghi nhận và theo dõi trên phần mềm nghiệp vụ bảo hiểm Policy/Asia và phương pháp tỷ lệ 1/8 được áp dụng cho các loại hình bảo hiểm còn lại. Việc áp dụng cả hai phương pháp này được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 9330/BTC-QLBH ngày 30 tháng 6 năm 2009.

Theo Công văn 15745/BTC-QLBH ngày 18 tháng 11 năm 2011, từ năm tài chính 2011, đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo tỉ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm theo quy định tại Chi tiết a, Điểm 2.4.1, Khoản 2, Mục III, Thông tư 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007. Cụ thể, đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không, dự phòng phí chưa được hưởng được tính bằng 25% của tổng phí bảo hiểm giữ lại thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm này.

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa giải quyết được tính theo từng trường hợp cụ thể căn cứ vào số liệu thực tế ước tính các tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm bao gồm cả các nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm đã khiếu nại trong năm tài chính.

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 - Hợp đồng bảo hiểm thì các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không cần thiết

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, hiện tại chưa có các hướng dẫn chính thức của Bộ Tài chính liên quan đến chuẩn mực này nên dự phòng dao động lớn được tiếp tục trích lập theo quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Trong kỳ, Tổng Công ty trích lập dự phòng dao động lớn theo tỷ lệ là 3% phí bảo hiểm giữ lại (năm 2011: 3%) và được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính.

Các khoản dự phòng khác

Các khoản dự phòng khác được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập báo cáo tài chính.

Quỹ dự trữ bắt buộc và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập vào cuối năm tài chính.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo Điều lệ Tổng Công ty.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Tiền mặt	14.041.434.154	14.617.100.806
Tiền gửi ngân hàng	151.714.319.613	154.713.805.195
Các khoản tương đương tiền	19.200.000.000	89.200.000.000
	184.955.753.767	258.530.906.001

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn ít hơn 3 tháng ở ngân hàng với lãi suất từ 10,5%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Cổ phiếu niêm yết VNĐ	Trái phiếu VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN				
Tại ngày 1/1/2012	35.875.507.300	20.000.000.000	1.033.492.906.151	1.089.368.413.451
Tăng	21.149.877.000	-	876.000.000.000	897.149.877.000
Giảm	(4.056.000.000)	(20.000.000.000)	(827.300.000.000)	(851.356.000.000)
Tại ngày 30/6/2012	52.969.384.300	-	1.082.192.906.151	1.135.162.290.451
DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN				
Tại ngày 1/1/2012	(15.562.533.739)	-	(111.848.255.874)	(127.410.789.613)
Tăng dự phòng	(7.331.653.561)	-	(37.773.388.984)	(45.105.042.545)
Giảm dự phòng	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2012	(22.894.187.300)	-	(149.621.644.858)	(172.515.832.158)
GIÁ TRỊ THUẬN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN				
Tại ngày 30/6/2012	30.075.197.000	-	932.571.261.293	962.646.458.293
Tại ngày 31/12/2011	20.312.973.561	20.000.000.000	921.644.650.277	961.957.623.838

Các khoản đầu tư ngắn hạn khác là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm với lãi suất từ 9,3% tới 14%/năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Phải thu bảo hiểm gốc	590.463.113.878	431.396.113.718
Phải thu nhận tái bảo hiểm	61.874.118.133	32.851.752.206
Phải thu nhượng tái bảo hiểm	317.571.022.295	286.557.493.627
	969.908.254.306	750.805.359.551

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trả trước cho người bán thể hiện số dư của các khoản tạm ứng bồi thường cho người được bảo hiểm và công ty môi giới bảo hiểm tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản phải thu khác bao gồm số tiền 213.522.960.000 đồng (tương đương 10.236.000 Đô la Mỹ) là khoản phải thu từ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ("SCIC") thể hiện số tiền thặng dư từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Bảo Minh - CMG vào năm 2007 và đã tạm chuyển về SCIC để chờ ý kiến xử lý của Bộ Tài chính. Bộ Tài chính, chủ sở hữu trước đây của Tổng Công ty, đã có công văn số 6845 ngày 26 tháng 5 năm 2011 quyết định về việc thu hồi số tiền này về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương; tuy nhiên, số tiền này vẫn được Tổng Công ty tạm thời tiếp tục theo dõi trên tài khoản phải thu khác.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

Các khoản phải thu dài hạn thể hiện các khoản dự thu tiền lãi từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn gồm trái phiếu, tiền gửi dài hạn,... tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2012	120.166.361.457	44.527.147.397	64.740.822	31.622.642.387	4.260.532.431	200.641.424.494
Tăng trong kỳ	78.979.090	2.609.835.454		127.506.636	11.520.000	2.827.841.180
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	112.000.121	-	112.000.121
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.315.761.563)	-	(200.984.773)	-	(1.516.746.336)
Tại ngày 30/6/2012	120.245.340.547	45.821.221.288	64.740.822	31.661.164.371	4.272.052.431	202.064.519.459
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2012	40.559.939.574	34.494.804.902	50.810.554	24.879.531.961	3.381.340.106	103.366.427.097
Khấu hao trong kỳ	3.485.441.249	2.021.116.452	2.831.883	1.337.160.269	230.677.095	7.077.226.948
Giảm do thanh lý	-	(1.315.761.563)	-	(200.984.773)	-	(1.516.746.336)
Tại ngày 30/6/2012	44.045.380.823	35.200.159.791	53.642.437	26.015.707.457	3.612.017.201	108.926.907.709
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2012	76.199.959.724	10.621.061.497	11.098.385	5.645.456.914	660.035.230	93.137.611.750
Tại ngày 31/12/2011	79.606.421.883	10.032.342.495	13.930.268	6.743.110.426	879.192.325	97.274.997.397

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm nhà cửa, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, dụng cụ văn phòng và các tài sản khác đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 52.333.527.200 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 51.406.242.018 đồng).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DNBH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2012	269.509.834.423	65.723.051.782	335.232.886.205
Tăng trong kỳ	1.636.200.000	1.009.440.000	2.645.640.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.075.631.200	-	3.075.631.200
Tại ngày 30/6/2012	274.221.665.623	66.732.491.782	340.954.157.405
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2012	637.191.449	26.485.571.992	27.122.763.441
Khấu hao trong kỳ	144.785.711	3.911.328.966	4.056.114.677
Tại ngày 30/6/2012	781.977.160	30.396.900.958	31.178.878.118
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2012	273.439.688.463	36.335.590.824	309.775.279.287
Tại ngày 31/12/2011	268.872.642.974	39.237.479.790	308.110.122.764

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 12.365.142.608 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 11.691.479.376 đồng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	48.971.893.557	46.739.982.682
Tăng trong kỳ/năm	15.416.579.159	52.928.483.228
Kết chuyển sang tài sản cố định	(3.187.631.321)	(34.587.522.439)
Giảm khác	(1.125.210.788)	(16.109.049.914)
Tại ngày 30 tháng 6/ ngày 31 tháng 12	60.075.630.607	48.971.893.557

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại 30 tháng 6 năm 2012 là giá trị các công trình xây dựng trụ sở của các chi nhánh Bảo Minh ở các tỉnh.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Chứng khoán Bảo Minh (gọi tắt là "BMSC") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. BMSC có vốn điều lệ là 300 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty sở hữu 70,02% vốn điều lệ tương đương với 70,02% quyền biểu quyết.

Hoạt động chính của BMSC là cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, và tư vấn đầu tư chứng khoán.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (gọi tắt là "UIC") được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty liên doanh giữa Tổng Công ty, Công ty Bảo hiểm Sompo Japan (thành lập tại Nhật Bản) và Công ty Bảo hiểm TNHH LIG (thành lập tại Hàn Quốc) với thời hạn hoạt động là 25 năm theo Giấy phép đầu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DNBH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

tư số 2003/GP ngày 1 tháng 11 năm 1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và giấy phép điều chỉnh số 09 GP/KDBH ngày 29 tháng 4 năm 2010 của Bộ Tài chính. Tổng Công ty sở hữu 48,45% vốn điều lệ tương đương với 48,45% quyền biểu quyết.

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC VÀ DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Cổ phiếu VNĐ	Trái phiếu VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN				
Tại ngày 1/1/2012	317.769.448.195	227.026.211.324	48.857.560.000	593.653.219.519
Tăng	-	-	23.000.000.000	23.000.000.000
Giảm	-	(110.026.211.324)	(10.357.560.000)	(120.383.771.324)
Tại ngày 30/6/2012	317.769.448.195	117.000.000.000	61.500.000.000	496.269.448.195
DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN				
Tại ngày 1/1/2012	(3.110.000.000)	(2.758.166.666)	-	(5.868.166.666)
Tăng	-	(2.412.000.000)	-	(2.412.000.000)
Tại ngày 30/6/2012	(3.110.000.000)	(5.170.166.666)	-	(8.280.166.666)
GIÁ TRỊ THUẬN ĐẦU TƯ DÀI HẠN				
Tại ngày 30/6/2012	314.659.448.195	111.829.833.334	61.500.000.000	487.989.281.529
Tại ngày 31/12/2011	314.659.448.195	224.268.044.658	48.857.560.000	587.785.052.853

Chi tiết danh mục đầu tư cổ phiếu và trái phiếu tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khách sạn Hạ Long	6.000.000.000	6.000.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bưu Điện	48.020.000.000	48.020.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn Kim Liên	7.618.100.000	7.618.100.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên	779.200.000	779.200.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải Long An	100.000.000	100.000.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam	43.218.000.000	43.218.000.000
Cổ phiếu Công ty Địa Ốc 9	514.000.000	514.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	1.277.992.000	1.277.992.000
Cổ phiếu Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Bảo Việt	40.080.953.060	40.080.953.060
Cổ phiếu Quỹ Đầu tư tăng trưởng Việt Nam - VF2	22.950.000.000	22.950.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần TM & DV Dầu khí Vũng Tàu	211.203.135	211.203.135
Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Rượu bia nước giải khát Sài Gòn	7.000.000.000	7.000.000.000
Cổ phiếu Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam	60.000.000.000	60.000.000.000
	317.769.448.195	317.769.448.195
Trái phiếu Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí	-	50.000.000.000
Trái phiếu Công ty Cổ phần Sông đá Thăng Long	20.000.000.000	20.000.000.000
Trái phiếu Tổng Công ty Điện lực Việt Nam	30.000.000.000	30.000.000.000
Trái phiếu Tập đoàn Công nghiệp Tàu Thủy (Vinashin)	67.000.000.000	67.000.000.000
Trái phiếu Chính phủ	-	60.026.211.324
	117.000.000.000	227.026.211.324

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản tiền gửi và khoản đầu tư ủy thác có kỳ hạn trên 1 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DNBH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.399.191.182	2.437.030.384
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	40.098.673.419	55.441.702.224
Chi phí trả trước dài hạn khác	58.280.440.378	54.715.921.307
	100.778.304.979	112.594.653.915

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc và hoàn phí gốc	149.118.152.546	167.737.748.651
Phải trả về hoàn phí bảo hiểm gốc	576.781.932	119.195.105
Phải trả bồi thường tái bảo hiểm	39.754.987.684	37.133.321.143
Phải trả về phí nhượng tái bảo hiểm	399.002.045.200	292.629.499.429
	588.451.967.362	497.619.764.328

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Doanh thu chưa thực hiện	10.425.074.166	74.264.454.808
Thu tiền ứng trước từ khách hàng	35.819.387.500	20.198.201.740
	46.244.461.666	94.462.656.548

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	16.318.497.898	14.192.535.943
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.228.495.344	11.173.445.961
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước khác	(33.617.118)	10.019.864.132
	22.513.376.124	35.385.846.036

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, phải trả người lao động thể hiện khoản chênh lệch giữa quỹ lương trích vào chi phí trong kỳ và số lương, thưởng thực tế chi trả cho cán bộ công nhân viên trong kỳ.

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Phải trả khác có theo dõi mã khách hàng	4.573.418.354	11.397.410.255
Phải trả khác không theo dõi mã khách hàng	25.451.295.468	28.659.751.116
Phải trả phí đồng bảo hiểm	21.589.919.550	20.971.130.426
Phải trả khác	2.162.237.593	432.842.381
	53.776.870.965	61.461.134.178

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DNBH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	Dự phòng phí VNĐ	Dự phòng bồi thường VNĐ	Dự phòng dao động lớn VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2011	642.325.349.977	168.180.397.171	168.181.243.011	978.686.990.159
Số trích lập/(hoàn nhập) trong năm	32.038.987.299	(41.874.930.398)	49.356.748.910	39.520.805.811
Số sử dụng trong năm	-	-	(49.000.000.000)	(49.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2011	674.364.337.276	126.305.466.773	168.537.991.921	969.207.795.970
Số trích lập trong kỳ	58.513.534.218	13.252.841.190	26.567.603.671	98.333.979.079
Số sử dụng trong kỳ	-	-	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2012	732.877.871.494	139.558.307.963	170.105.595.592	1.042.541.775.049

Trong kỳ, Công ty đã sử dụng 25.000.000.000 đồng từ quỹ dự phòng dao động lớn để chi bồi thường gốc và bồi thường nhận tái bảo hiểm trong kỳ.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ dự trữ bắt buộc VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2011	755.000.000.000	1.133.484.074.449	39.369.447.307	9.068.465.609	260.975.074.219	2.197.897.061.584
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	109.780.160.088	109.780.160.088
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	(113.250.000.000)	(113.250.000.000)
Điều chỉnh quỹ do CLTG	-	-	(785.548.663)	(785.548.663)	6.204.931.976	4.633.834.650
Phân phối quỹ	-	-	4.661.009.086	4.661.009.086	(9.322.018.172)	-
Phân phối quỹ KTPL	-	-	-	-	(13.173.619.211)	(13.173.619.211)
Nộp bổ sung thuế 2010	-	-	-	-	(13.224.115.039)	(13.224.115.039)
Chi khác	-	-	-	-	(1.256.460.034)	(1.256.460.034)
Số dư tại ngày 31/12/2011	755.000.000.000	1.133.484.074.449	43.244.907.730	12.943.926.032	226.733.953.827	2.171.406.862.038
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	61.564.944.062	61.564.944.062
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	(90.600.000.000)	(90.600.000.000)
Điều chỉnh quỹ do CLTG	-	-	827.998.918	827.998.918	(1.655.997.836)	-
Chi khác	-	-	-	-	(87.804.574)	(87.804.574)
Số dư tại ngày 30/6/2012	755.000.000.000	1.133.484.074.449	44.072.906.648	13.771.924.950	195.955.095.479	2.142.284.001.526

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1/2012/BM/ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2012, các cổ đông của Tổng Công ty đồng ý chia cổ tức năm 2011 với số tiền là 90.600.000.000 đồng (12%/vốn điều lệ) từ lợi nhuận chưa phân phối của Tổng Công ty.

Các khoản điều chỉnh của quỹ dự trữ bắt buộc, quỹ khác thuộc vốn sở hữu và chi khác từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ là các khoản điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nêu trên.

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 755.000.000.000 đồng.

Mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2012	31/12/2011
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	75.500.000	75.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	75.500.000	75.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.500.000	75.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	75.500.000	75.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DNBH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Vốn điều lệ đã được góp như sau:

	Theo giấy chứng nhận doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VND	%	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng Công ty Đầu tư & KD vốn Nhà nước	382.788.000.000	50,70	382.788.000.000	382.788.000.000
AXA .SA - Pháp	125.700.000.000	16,65	125.700.000.000	125.700.000.000
Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam	42.532.000.000	5,63	42.532.000.000	42.532.000.000
Tổng Công ty Sông Đà	24.304.000.000	3,22	24.304.000.000	24.304.000.000
Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam	19.784.800.000	2,62	19.784.800.000	19.784.800.000
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	12.152.000.000	1,61	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Hóa Chất Việt Nam	12.152.000.000	1,61	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	12.152.000.000	1,61	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Cổ phần XNK Xây dựng Việt Nam	12.152.000.000	1,61	12.152.000.000	12.152.000.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	6.076.000.000	0,80	6.076.000.000	6.076.000.000
Tổng Công ty Vật tư Nông Nghiệp	6.076.000.000	0,80	6.076.000.000	6.076.000.000
Tổng Công ty Thành An	4.340.000.000	0,57	4.340.000.000	4.340.000.000
CBNV Bảo Minh và cổ đông khác	94.791.200.000	12,57	94.791.200.000	94.791.200.000
	755.000.000.000	100	755.000.000.000	755.000.000.000

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	79.396.304.129	73.861.697.939
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	4.892.800.899	16.406.716.195
Cổ tức, lợi nhuận được chia	44.335.490.400	42.267.036.900
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.156.463.688	28.364.510.298
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.069.536.425	9.984.609.572
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	282.800.000	995.250.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.767.965.832	774.180.125
	136.901.361.373	172.654.001.029

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lãi tiền vay	-	138.259.215
Chi phí quản lý phòng đầu tư	14.429.475.360	14.567.296.683
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.563.728.598	15.431.266.442
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.537.346.957	6.799.133.251
Dự phòng giảm giá đầu tư	47.517.042.545	40.782.143.714
Chi phí hoạt động mua bán chứng khoán	-	886.986.251
Chi phí tài chính khác	69.597.441	22.527.272
	71.117.190.901	78.627.612.828

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	67.346.467.665	97.402.458.216
Trừ: Thu nhập cố tức không chịu thuế	(44.220.373.255)	(42.464.695.618)
Thu nhập chịu thuế	23.126.094.410	54.937.762.598
Thuế suất áp dụng	25%	12,5%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.781.523.603	6.867.220.325

Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

27. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	3.097.581.588	8.687.284.986

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuế hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Trong vòng một năm	6.584.771.618	6.365.100.089
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	13.671.124.127	15.866.778.296
Sau năm năm	67.226.250	69.467.125
	20.323.121.995	22.301.345.510

Các khoản thuế hoạt động thể hiện tiền thuế đất, văn phòng và đường truyền internet với tiền thuế hàng tháng từ 373.479 đồng đến 331.655.056 đồng với thời hạn từ 1 năm tới 30 năm.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các chủ sở hữu, bao gồm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, quỹ dự trữ bắt buộc, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DNBH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	184.955.753.767	258.530.906.001
Đầu tư tài chính ngắn hạn	962.646.458.293	961.957.623.838
Phải thu khách hàng	932.268.968.836	713.183.614.702
Phải thu khác	365.322.916.612	346.571.974.894
Ký quỹ ngắn hạn	489.601.198	360.217.898
Phải thu dài hạn khác	22.868.598.272	31.189.032.887
Ký quỹ bắt buộc	6.000.000.000	6.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	487.989.281.529	587.785.052.853
Ký quỹ dài hạn	5.408.399.649	5.405.437.281
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	588.451.967.362	497.619.764.328
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	53.776.870.965	61.461.134.178
Dự phòng nghiệp vụ	1.042.541.775.049	969.207.795.970
Phải trả dài hạn khác	256.058.510	253.058.510

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro bảo hiểm.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá công cụ vốn. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá: Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ/năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2012	31/12/2011	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	455.102.343.013	412.046.998.056	828.660.072.273	722.801.138.695
Đồng EURO (EUR)	7.498.475.437	6.767.889.664	4.378.260.849	2.959.253.44
Bảng Anh (GBP)	7.627.077.288	2.401.191.232	11.927.202.048	7.427.188.21
Yên Nhật (JPY)	1.539.540.459	809.623.611	2.329.789.439	1.791.145.21
Đồng Singapore (SGD)	2.416.818.184	2.013.844.472	39.103.574	39.832.03
Won Hàn Quốc (KRW)	56.111.611	56.111.611	-	-
Đồng Franc Thụy Sĩ (CHF)	37.265.087	1.790.419.217	-	-
Đô la Úc (AUD)	-	-	36.369.981	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Quản lý rủi ro lãi suất: Tổng số tài sản tài chính nhận lãi suất của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 4, số 5 và số 15. Chính sách của Tổng Công ty là duy trì nguồn tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn với mức lãi suất cố định.

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu và trái phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty áp dụng chính sách chỉ được giao dịch với các đối tác có khả năng tín dụng tốt xem như là cách thức giảm nhẹ rủi ro tổn thất tài chính cho Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 - 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
30/6/2012			
Phải trả người bán	588.451.967.362	-	588.451.967.362
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	53.776.870.965	-	53.776.870.965
Dự phòng nghiệp vụ	872.436.179.457	170.105.595.592	1.042.541.775.049
Phải trả dài hạn khác	-	256.058.510	256.058.510
31/12/2011			
Phải trả người bán	497.619.764.328	-	497.619.764.328
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	61.461.134.178	-	61.461.134.178
Dự phòng nghiệp vụ	800.669.804.049	168.537.991.921	969.207.795.970
Phải trả dài hạn khác	-	253.058.510	253.058.510

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
30/6/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	184.955.753.767	-	184.955.753.767
Đầu tư tài chính ngắn hạn	962.646.458.293	-	962.646.458.293
Phải thu khách hàng	932.268.968.836	-	932.268.968.836
Phải thu khác	365.322.916.612	-	365.322.916.612
Ký quỹ ngắn hạn	489.601.198	-	489.601.198
Phải thu dài hạn khác	-	22.868.598.272	22.868.598.272
Ký quỹ bắt buộc	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	487.989.281.529	487.989.281.529
Ký quỹ dài hạn	-	5.408.399.649	5.408.399.649
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	258.530.906.001	-	258.530.906.001
Đầu tư tài chính ngắn hạn	961.957.623.838	-	961.957.623.838
Phải thu khách hàng	713.183.614.702	-	713.183.614.702
Phải thu khác	346.571.974.894	-	346.571.974.894
Ký quỹ ngắn hạn	360.217.898	-	360.217.898
Phải thu dài hạn khác	-	31.189.032.887	31.189.032.887
Ký quỹ bắt buộc	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	587.785.052.853	587.785.052.853
Ký quỹ dài hạn	-	5.405.437.281	5.405.437.281

Rủi ro bảo hiểm

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra sự kiện bảo hiểm và tính không chắc chắn của số tiền bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng. Bản chất của hợp đồng bảo hiểm là rủi ro xảy ra sự kiện bảo hiểm ngẫu nhiên và do đó không thể dự đoán trước được.

Mức độ thường xuyên và tính chất nghiêm trọng của bồi thường bảo hiểm bị tác động bởi nhiều yếu tố. Yếu tố đáng lưu ý nhất là mức độ gia tăng số trường hợp tranh chấp liên quan đến tòa án vẫn chưa được giải quyết hoặc xử lý chậm trong thời gian dài. Lạm phát ước tính cũng là nhân tố đáng kể do giải quyết những trường hợp này thường kéo dài qua nhiều năm.

Tổng Công ty quản lý những rủi ro này thông qua chiến lược cung cấp bảo hiểm, xây dựng tỉ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm bảo hiểm và sắp xếp tái bảo hiểm hợp lý và chủ động giải quyết bồi thường.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Thu nhập		
Cổ tức nhận từ BMSC	14.283.944.000	10.502.400.000
Cổ tức nhận từ UIC	21.802.500.000	8.721.000.000
Tiền cho thuê văn phòng từ BMSC	132.781.925	169.157.808
Cổ tức		
Tổng Công ty nhờ BMSC trả cổ tức	22.343.664.000	909.003.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Số dư với các bên liên quan tại ngày lập báo cáo tài chính:

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Các khoản phải thu		
Cổ tức phải nhờ BMSC trả hộ	7.857.390.360	915.925.560

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Lương và các khoản phúc lợi khác	2.994.371.800	2.797.306.949

30. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Công văn số 15861/BTC-TCT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính thì đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài phải chịu thuế nhà thầu theo quy định tại Thông tư 05/2005/TT-BTC ngày 11 tháng 1 năm 2005 với tỷ lệ 2% trên số phí tái bảo hiểm ra nước ngoài. Theo đó một khoản thuế nhà thầu với giá trị ước tính khoảng 25 tỷ đồng tính trên số phí tái bảo hiểm ra nước ngoài của Tổng Công ty từ năm 2005 đến hết năm 2008 chưa được Tổng Công ty ghi nhận. Theo Công văn 8667/BCT-TCT ngày 6 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, thì các hợp đồng tái bảo hiểm ký với doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài là những nước đã ký kết hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam thì được miễn thuế nhà thầu phát sinh trong các năm từ 2005 đến 2008. Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty đã tính toán và nộp phần thuế không được miễn đồng thời đang tiến hành thực hiện các thủ tục miễn thuế theo Công văn nêu trên.



Vũ Thị Dung
Người lập



Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng



Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 8 năm 2012